

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HSST
Ngày: 09/4/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đăng Kiên ; Ông Trần Quốc Sơn

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mai Tâm –Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2021/TLST-HS ngày 10/03/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HS ngày 29/03/2021 đối với bị cáo :

Phan Thị D, sinh ngày 8/8/1986; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Căn hộ số 1011 tầng 10, tổ hợp văn phòng dịch vụ thương mại và nhà ở xã hội phường D, C, Hà Nội; Nghề nghiệp: Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm (đã bị kỷ luật buộc thôi việc theo Quyết định số 1114/QĐ-TCCB ngày 28/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Xuân N, sinh năm 1950 và bà Đinh Thị Ngọc K, sinh năm 1955; Có chồng là Nguyễn Viết H, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có một con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Danh chỉ bản số 000000011 lập ngày 29/11/2019 tại Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và lý lịch cá nhân bị cáo D không có tiền sự, tiền án; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1972, trú tại Xóm 12, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, bà Đ có đơn xin xử vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1990, trú tại số 22/405 N. H, thị trấn V, huyện T, Hà Nội, anh N có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị D là Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội được Chánh án Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm phân công làm Thư ký dự khuyết theo Quyết định số 122/2019/TLST-HS ngày 21/5/2019 trong vụ án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Văn H bị truy tố về tội “Chống người thi hành công vụ”. Trong quá trình vụ án được giải quyết tại Tòa án, Phan Thị D đã liên lạc với bà Phạm Thị Đ là mẹ đẻ bị cáo H đến Tòa trao đổi về mức án của bị cáo H và số tiền cần chi 55.000.000 đồng để D giúp giảm án đồng thời D thông báo ngày giờ, địa điểm xét xử vụ án cho bà Đ biết. Ngày 27/06/2019, bà Đ và anh Phạm Văn N (là cháu) đã giao số tiền 55.000.000 đồng cho D tại phòng làm việc của D.

Ngày 28/6/2019, bà Đ và anh N gửi đơn tố cáo Phan Thị D đến Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kèm theo đơn là các file ghi âm, ghi hình D trao đổi và nhận số tiền 55 triệu đồng của bà Đ. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiến hành trưng cầu giám định các chứng cứ, dữ liệu điện tử do người tố cáo cung cấp. Tại Kết luận giám định số 263/C09-P6 ngày 03/10/2019 và Kết luận giám định số 399/C09-P6 ngày 14/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định các file ghi âm do bà Đ và anh N cung cấp cho Cơ quan điều tra được trưng cầu giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung: “Không phát hiện thấy file ghi âm mẫu cần giám định: Ghi âm đưa 55 triệu cho thư ký D.mp4 bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung; Tiếng nói của người phụ nữ trong file ghi âm cần giám định: Ghi âm đưa 55 triệu cho thư ký D.mp3 (Ký hiệu: D trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Phan Thị D trong file ghi âm mẫu so sánh là của cùng một người...”.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Thị D không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tài liệu điều tra xác định D đã sử dụng điện thoại liên lạc với bà Đ cùng với nội dung các cuộc hội thoại giữa D với bà Đ, anh N trong file ghi âm và video được trưng cầu giám định đã dịch thành văn bản đủ căn cứ xác định D đã nhận 55 triệu đồng của bà Đ. Sau khi nhận tiền D không tác động đến những người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giúp cho bị cáo H được giảm án mà chiếm đoạt luôn số tiền bà Đ đã đưa.

Cáo trạng số 81/CT-VKSTC-V6 ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao đã truy tố Phan Thị D về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 81/CT-VKSTC-V6 ngày 24/11/2020

của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D từ 9 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng : Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo D khai: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo cần tiền chi tiêu cá nhân nên khi biết được lịch xét xử vụ án đối với bị cáo Phạm Văn H bị truy tố về tội ‘Chống người thi hành công vụ’ D đã nảy sinh ý định liên lạc với bà Phạm Thị Đ (là mẹ bị cáo Phạm Văn H), nói dối bà Đ sẽ giúp cho bị cáo H giảm án để chiếm đoạt tiền của bà Đ. D đã liên lạc với bà Đ đến phòng làm việc của bị cáo yêu cầu bà Đ chi số tiền 55.000.000 đồng cho D, sau khi nhận được tiền của bà Đ, D sử dụng chi tiêu cá nhân, D không tác động đến những người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giúp cho bị cáo H được giảm án như đã hứa với bà Đ.

D cũng xác định bị cáo chỉ được phân công làm Thư ký dự khuyết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H nên D không được Thẩm phán phân công tiến hành các thủ tục tố tụng, không được giao quản lý hồ sơ, không biết gì về nội dung vụ án. D chỉ đoán hành vi của bị cáo Hường sẽ bị xử phạt tù khoảng 4 tháng để nói dối bà Đ làm cho bà Đ tin tưởng giao tiền cho D. Trong quá trình điều tra do lo sợ nên D không khai nhận hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Đ. Nay D đã bồi thường trả cho bà Đ toàn bộ số tiền chiếm đoạt.

Lời khai của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp với các file ghi âm, ghi hình, kết luận giám định giọng nói, các số điện thoại D và bà Đ liên lạc với nhau và các biên bản, tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 27/6/2019, tại phòng làm việc của Phan Thị D số 304, Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Phan Thị D đã có hành vi nói dối bà Phạm Thị Đ (là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Văn H bị truy tố về tội Chống người thi

hành công vụ) để bà Đ đưa số tiền 55.000.000 đồng cho D, D sẽ giúp cho Phạm Văn H được giảm án. Sau khi nhận 55.000.000 đồng của bà Đ, D không tác động đến những người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giúp cho bị cáo H được giảm án mà chiếm đoạt luôn số tiền của bà Đ chỉ tiêu cá nhân.

Xét thấy Phan Thị D khi thực hiện hành vi phạm tội là Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, được phân công làm Thư ký dự khuyết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H. D không phải là Thẩm phán (người có chức vụ, quyền hạn), D cũng không tác động đến những người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giúp cho bị cáo Hương được giảm án như đã hứa với bà Đ. Thẩm phán là người quản lý hồ sơ vụ án, không thông báo cho D biết về thời gian, địa điểm xét xử, làm Thư ký phiên tòa xét xử bị cáo H là Thư ký khác không phải Phan Thị D. Mức án tuyên phạt bị cáo H hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Do vậy hành vi của Phan Thị D không cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố mà phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự. Phan Thị D đã chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng của bà Đ nên hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phan Thị D phạm vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 8/02/2021, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 02/HSST-QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm để xem xét thay đổi tội danh truy tố đối với Phan Thị D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 8/03/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm có Công văn số 102/CV-VKS chuyển lại hồ sơ vụ án Phan Thị D cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 81 ngày 24/11/2020 của Vụ 6 – Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, truy tố Phan Thị D về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa với các chứng cứ đã nêu Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định Phan Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên áp dụng khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự để chuyển tội danh đối với bị cáo D.

Hành vi phạm tội của Phan Thị D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Chỉ vì mục đích kiếm tiền chỉ tiêu cá nhân, Phan Thị D đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của người nhà bị cáo nên cần phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Khi lượng hình xét bị cáo Phan Thị D phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa đã khai nhận tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi

phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt đã bồi thường trả toàn bộ cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, bị cáo có bố đẻ là người đã tham gia chiến trường tại Quảng Trị từ năm 1971 đến 1973 bị nhiễm chất độc hóa học, được tặng thưởng Huy chương, hiện nay bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đã ly hôn chồng, một mình nuôi con còn nhỏ để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục cũng đủ giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy bị cáo hiện đã bị kỷ luật buộc thôi việc tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phạm Thị Đ đã nhận lại toàn bộ số tiền 55.000.000 đồng, bà Đ không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí : Bị cáo Phan Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Tuyên bố Phan Thị D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt:

Phan Thị D 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Phan Thị D cho Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phan Thị D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Phan Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Phạm Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- Tòa án thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm;
- Bị cáo, bị hại;
- THAHS;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Trung Lập

